

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BT
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HS-ST

Ngày: 13-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Trần Văn Hồ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/HSST-QĐ ngày 14/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 107 D Tổ N, ấp M, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn B, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Chồng: Phạm Văn S, sinh năm 1983; Con: có 01 người con sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/6/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thái H, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 28G, ấp ATB, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hứa Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/6/2020, cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Thị P, sinh năm 1953 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 86/1D, ấp A, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: bán vé số; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Thành L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Chồng: Đặng Kế H, sinh năm 1953; Con: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/10/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Võ Thị V**, sinh năm 1961 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 88G3, ấp ATB, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn S (đã chết) và bà Trần Thị B (đã chết); Chồng: Lê Văn D, sinh năm 1962; Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 128/QĐ-XPHC ngày 06/6/2019 của Công an thành phố BT xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/11/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Phạm Xuân K**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 75G, ấp ATB, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Võ Thị L, sinh năm 1965; Chồng: Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 (đã ly hôn); Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh tháng 7/2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/9/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **Bùi Thị Thanh H**, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 444, ấp B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn B, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Chồng: Lê Văn L, sinh năm 1978; Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/6/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Hoài D**, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 345D, ấp B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Không rõ; Mẹ: Nguyễn Thị E, sinh năm 1952; Vợ: Dương Thị H, sinh năm 1972; Con: Có 01 người con sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/10/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1970 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 111D, ấp B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Chồng: Bùi Văn H, sinh năm 1969; Con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/9/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 142D, Tổ 11, ấp B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954 và bà Lê Thị H (đã chết); Chồng: Đặng Minh T, sinh năm 1977; Con: Có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/11/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đặng Kế H, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: Số 186/1D, ấp A, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số 461D, ấp B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ ngày 21/10/2019, tại nhà của Nguyễn Thị Thu P ở số 461, ấp 4, xã Nhơn Thạnh, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an thành phố Bến và Công an xã Nhơn Thạnh, thành phố BT phát hiện bị cáo Bùi Thị Thanh H, bị cáo Nguyễn Hoài D, bị cáo Nguyễn Thái H, Nguyễn Thị Thu P và Nguyễn Duy Thảo đang có hành vi đánh bài ăn thua bằng tiền dưới hình thức bình Ấn Độ với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc 500.000 đồng. Tại hiện trường lúc này còn có bị cáo Bùi Thị Thanh T và bị cáo Nguyễn Thị Thu Tr nên tiến hành lập biên bản sự việc đối với các đối tượng.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 phoi đề, 01 quyển sổ.

- Thu của bị cáo T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A80, màu Gold, số seri: R58M71HRPEF, số Imei 1: 357105104101809, số Imei 2: 357106104101807, 02 sim số 0848355573 và số 0829468538.

- Thu của bị cáo H: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Pro, màu trắng, số Imei 1: 354802094846525, số Imei 2: 354803094846523, 02 sim số 0896468511 và số 0945923283; Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Thu của bị cáo D: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng, số Imei: 359051092264589, 01 sim số 0845515539; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 357343083664030, 01 sim số 0853969882; Tiền Việt Nam: 11.742.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn đồng); 01 xe mô-tô hai bánh biển số 71B3-985.60, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn đỏ-đen, số máy JF63E2449183, số khung 6326KZ047275.

- Thu của bị cáo TH: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356944090673780, 01 sim số 0963047573; Tiền Việt Nam: 5.090.000 đồng (Năm triệu chín mươi ngàn đồng); 01 xe mô-tô hai bánh biển số 71K2-8267, nhãn hiệu DETECH, loại xe nữ, màu sơn nâu, số khung PCG022DE-002545, số máy P50FMG-2002545.

- Thu của bị cáo Tr: 01 điện thoại di động Mobiistar B821, màu vàng, số Imei: 352821021407278 và 01 sim số 0947963906.

- Thu của bị cáo P: 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số Imei: 8100336006835 và 01 sim số 033432558.

- Thu của bị cáo V: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu trắng, số Imei: 358362069428326 và 01 sim số 0373752828.

- Thu của bị cáo K: 01 điện thoại di động hiệu Huawei, màu xanh, số Imei 1: 86790032230359, số Imei: 86790703227/569 , 01 sim số 0369743400 và 01 sim không rõ số điện thoại.

- Thu của bị cáo N: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 352884102241537 và 01 sim số 0902776586.

- Thu của Nguyễn Thị Thu P: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 357341086581086, 01 sim số 0357932737.

- Thu của Đặng Kế H: 01 điện thoại di động hiệu Zip83, màu xanh – đen, số Imei: 359455030198033 và 01 thẻ nhớ.

Qua làm việc các bị cáo T, Hồng, TH, N, D, P, K, Tr và V khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019, tại xã Nhơn Thạnh và xã Mỹ Thạnh An, thành phố BT, bị cáo T đã làm thầu đề và trực tiếp bán số đề cho bị cáo N, bị cáo Tr, bị cáo V, Nguyễn Thị Thu P, ông T, P, TD, N và một số đối tượng khác không xác định được họ tên thật và địa chỉ với hoa hồng cho người chơi từ 22% đến 29%; bị cáo H trực tiếp bán số đề cho bị cáo D, Tuon, Kim Chi và một số đối tượng khác không xác định được họ tên thật và địa chỉ với hoa hồng cho người chơi là 25% rồi sau đó chuyển số đề cho bị cáo T với hoa hồng 30% để hưởng chênh lệch 5%; bị cáo TH trực tiếp bán số đề cho bị cáo P, Đặng Kế H, H, Ú và một số đối tượng khác không xác định được họ tên thật và địa chỉ với số tiền hoa hồng cho người chơi là 26%, sau đó bị cáo TH giữ lại một phần ăn thua trực tiếp với người chơi, số còn lại chuyển cho bị cáo T với số tiền hoa hồng là 27% để hưởng chênh lệch 1%. Đối với bị cáo T, sau khi nhận số đề của bị cáo H, bị cáo TH chuyển đến và các số đề trực tiếp bán được, bị cáo T giữ lại một phần để ăn thua trực tiếp với người chơi, số còn lại chuyển cho bị cáo K với hoa hồng 30% để hưởng chênh lệch từ 1% đến 8%. Các đối tượng thỏa thuận với nhau mua hai con số thì trúng được 70 lần, nếu mua ba con số hoặc số đá thì trúng được 600 lần, trong ngày bị cáo T, bị cáo H, bị cáo TH và bị cáo K sẽ chuyển số đề cho nhau, qua ngày hôm sau từ kết quả thắng thua sẽ tính tiền chơi và tiền trúng để chung chi tiền cho nhau. Vào ngày 21/10/2019, trong lúc bị cáo H, bị cáo D, bị cáo TH, Phụng, Thảo đang chơi đánh bài ăn thua bằng tiền dưới hình thức binh Ấn Độ với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc 500.000 đồng và bị cáo T, bị cáo Tr đang ngồi đợi để thanh toán tiền mua bán số đề thì bị lực lượng Công an phát hiện như trên.

Đối chiếu các tin nhắn trong các điện thoại di động thu giữ và kết quả xổ số thì các bị cáo T, H, TH, N, D, P, K, Tr và V tổ chức thầu đề và bán số đề với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc được xác định như sau:

Bị cáo TH trực tiếp bán số đề cho bị cáo P, Đặng Kế H, H, Ú và một số người khác không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể và chuyển số đề cho bị cáo T gồm:

- Bán cho bị cáo P:

+ Ngày 25/8/2019: Các đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với số tiền mua số đề là 3.240.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 840.000 đồng, tiền người bán còn lại là 2.400.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 88 đài Kiên Giang và Tiền Giang trúng được 2.800.000 đồng, số 52 đài Kiên Giang trúng được 1.400.000 đồng, tổng số tiền trúng là 4.200.000 đồng, bị cáo P thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng (bị cáo TH đã trả tiền trúng số đề cho bị cáo P). Số tiền dùng vào việc đánh bạc các bị cáo TH và Phê được xác định là 7.440.000 đồng

+ Ngày 29/8/2019: Các đài Miền Nam (Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận) với số tiền mua số đề là 5.160.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.340.000 đồng, tiền người bán còn lại là 3.820.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 26 đài An Giang trúng được 350.000 đồng, số 79 đài An Giang trúng được 2.800.000 đồng, số 59 đài Tây Ninh trúng được 700.000 đồng, tổng số tiền trúng là 3.850.000 đồng, bị cáo P thu lợi bất chính là 30.000 đồng (bị cáo TH đã trả tiền trúng số đề cho bị cáo P). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo TH và Phê được xác định là 9.010.000 đồng.

+ Ngày 30/8/2019: Các đài Miền Nam (Vĩnh Long, Bình Dương, Trà Vinh) với số tiền mua số đề là 6.640.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.727.000 đồng, tiền người bán còn lại là 4.913.000 đồng. Kết quả xổ số có số 55 đài Trà Vinh trúng được 7.000.000 đồng, bị cáo P thu lợi bất chính là 2.750.000 đồng (bị cáo TH đã trả tiền trúng số đề cho bị cáo P). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo TH và P được xác định là 13.640.000 đồng.

+ Ngày 31/8/2019: Đài Miền Bắc với số tiền mua số đề là 3.440.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 890.000 đồng, tiền người bán còn lại là 2.550.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 99 trúng được 1.400.000 đồng, số 78 trúng được 700.000 đồng, tổng số tiền trúng 2.100.000 đồng, bị cáo H thu lợi bất chính là 450.000 đồng (bị cáo P đã trả tiền mua số đề cho bị cáo TH). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo TH và Phê được xác định là 5.540.000 đồng.

+ Ngày 01/9/2019:

Các đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với số tiền mua số đề là 2.380.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 768.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.760.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 55 đài Đà Lạt trúng được 350.000 đồng, số 68 đài Tiền Giang trúng được 1.400.000 đồng, số 28 đài Tiền Giang trúng được 1.400.000 đồng, tổng số tiền trúng 3.150.000 đồng, bị cáo P thu lợi bất chính là 1.390.000 đồng (bị cáo TH đã trả tiền trúng số đề cho bị cáo P). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo TH và Phê được xác định là 5.530.000 đồng.

Đài Miền Bắc với số tiền mua số đề là 2.968.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 768.000 đồng, tiền người bán còn lại là 2.200.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 77 trúng được 1.400.000 đồng, số 68 trúng được 700.000 đồng, số đá 77-68 trúng được 1.200.000 đồng, tổng số tiền trúng 3.300.000 đồng, bị cáo P thu lợi bất chính là 1.100.000 đồng (bị cáo TH đã trả tiền trúng số đề cho bị cáo P). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo TH và Phê được xác định là 6.268.000 đồng.

+ Ngày 20/10/2019:

Các đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với số tiền mua số đề là 2.860.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 560.000 đồng, tiền người bán còn lại là

2.300.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 79 đài Tiền Giang trúng được 1.400.000 đồng, số 23 đài Kiên Giang trúng được 1.400.000, số đá 79-23 trúng được 2.500.000 đồng, tổng số tiền trúng là 5.300.000 đồng, bị cáo P thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng (bị cáo TH chưa trả tiền trúng số đề cho bị cáo P). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo TH và P được xác định là 8.160.000 đồng.

Đài Miền Bắc với số tiền mua số đề là 4.698.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.218.000 đồng, tiền người bán còn lại là 3.480.000 đồng. Kết quả xổ số có số 78 trúng được 1.400.000 đồng, bị cáo TH thu lợi bất chính là 2.080.000 đồng (bị cáo P chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo TH). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo P được xác định là 6.098.000 đồng.

- Bán cho Đặng Kế H vào ngày 20/10/2019:

+ Các đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với số tiền mua số đề là 1.080.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 280.000 đồng, tiền người bán còn lại (74%) là 800.000 đồng. Kết quả xổ số có số 82 đài Kiên Giang trúng được 700.000 đồng, bị cáo TH thu lợi bất chính là 100.000 đồng (Kế Hiền chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo TH). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của Kế Hiền và bị cáo TH được xác định là 1.780.000 đồng;

+ Đài Miền Bắc với số tiền mua số đề là 972.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 252.000 đồng, tiền người bán còn lại là 720.000 đồng. Kết quả xổ số có số 95 trúng được 350.000 đồng, bị cáo TH thu lợi bất chính là 370.000 đồng (KH chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo TH). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của KH được xác định là 1.322.000 đồng.

- Bán cho Hậu (không rõ tên thật và địa chỉ) vào ngày 20/10/2019:

+ Các đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với số tiền mua số đề là 1.080.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 280.000 đồng, tiền người bán còn lại là 800.000 đồng. Kết quả xổ số có số 88 đài Đà Lạt trúng được 1.400.000 đồng, H thu lợi bất chính là 600.000 đồng (bị cáo TH chưa trả tiền trúng số đề cho H). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của H và bị cáo TH được xác định là 2.480.000 đồng.

+ Đài Miền Bắc với số tiền mua số đề là 1.134.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 284.000 đồng, tiền người bán còn lại là 850.000 đồng. Kết quả xổ số có số 47 trúng được 1.400.000 đồng, H thu lợi bất chính là 550.000 đồng (bị cáo TH chưa trả tiền trúng số đề cho H). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của Hậu được xác định là 2.534.000 đồng.

- Bán cho Ú (không rõ tên thật và địa chỉ) vào ngày 20/10/2019: Đài Miền Bắc với số tiền mua số đề là 270.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 70.000 đồng, tiền người bán còn lại là 200.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo TH thu lợi bất chính là 200.000 đồng (Ú chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo TH). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của Ú được xác định là 270.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo TH còn bán cho một số người khác không xác định được họ, tên, địa chỉ người mua số đề đài Miền Bắc với số tiền mua đề là 2.072.000 đồng.

Ngày 20/10/2019, sau khi bán số đề Đài Miền Bắc cho bị cáo P, KH, H, Ú và một số người khác không xác định được họ, tên, địa với số tiền mua số đề là 9.146.000

đồng, bị cáo TH đã chuyển hết cho bị cáo T để hưởng chênh lệch 1%. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 78 trúng được 1.400.000 đồng, số 47 trúng được 1.540.000 đồng, số 95 trúng được 350.000 đồng, số 35 trúng được 7.000.000 đồng, tổng số tiền trúng 10.290.000 đồng, bị cáo TH thu lợi bất chính là 3.650.000 đồng (bị cáo T chưa trả tiền trúng số đề cho bị cáo TH). Do đó, số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo TH và T trong ngày 20/10/2019 đối với đài Miền Bắc được xác định là 19.436.000 đồng.

Bị cáo H trực tiếp bán đề cho bị cáo D và một số người khác không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể và chuyển số đề cho bị cáo T gồm:

- Bán cho bị cáo D vào ngày 19/10/2019: Các đài Miền Nam (TP. Hồ Chí Minh, Long An, Bình Phước, Hậu Giang) với tổng số tiền mua số đề là 6.120.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.380.000 đồng, tiền người bán còn lại là 4.740.000 đồng. Kết quả xổ số có số 50 đài TP Hồ Chí Minh trúng được 3.500.000 đồng, bị cáo H thu lợi bất chính là 1.240.000 đồng (bị cáo D đã trả tiền mua số đề cho bị cáo H). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo D được xác định là 9.620.000 đồng;

- Bán cho một số người khác không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể vào ngày 19/10/2019: Đài Miền Bắc với số tiền mua đề là 2.700.000 đồng

- Bán cho bị cáo D vào ngày 20/10/2019: Ba đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với tổng số tiền mua số đề là 3.940.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 875.000 đồng, tiền người bán còn lại là 3.060.000 đồng. Kết quả xổ số có số 70 đài Tiền Giang trúng được 3.500.000 đồng, bị cáo D thu lợi bất chính là 435.000 đồng (bị cáo H đã trả tiền trúng số đề cho bị cáo D). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo D được xác định là 7.440.000 đồng;

- Bán cho một số người khác không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể vào ngày 20/10/2019: Ba đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với tổng số tiền mua số đề là 4.450.000 đồng.

Ngày 19/10/2019 và 20/10/2019, sau khi bán số đề cho bị cáo D và một số người khác không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể bị cáo H chuyển hết cho bị cáo T để hưởng chênh lệch hoa hồng là 5% gồm:

+ Ngày 19/10/2019:

Đài Miền Nam (TP. Hồ Chí Minh, Long An, Bình Phước, Hậu Giang) với số tiền mua số đề là 6.120.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.800.000 đồng, tiền người bán còn lại là 4.320.000 đồng. Kết quả xổ số 50 đài TP Hồ Chí Minh trúng được 3.500.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 820.000 đồng (bị cáo H chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và H được xác định là 9.620.000 đồng.

Đài Miền Bắc với số tiền mua số đề là 2.700.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua 810.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.890.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 1.890.000 đồng (bị cáo H chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và H được xác định là 2.700.000 đồng.

+ Ngày 20/10/2019:

Đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với số tiền mua số đề là 8.390.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 2.513.000 đồng, tiền người bán còn lại là 5.877.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 70, 78 đài Tiền Giang trúng được 7.700.000 đồng, bị cáo H thu lợi bất chính là 1.823.000 đồng (bị cáo T chưa trả tiền trúng số đề cho bị cáo H). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và H được xác định là 16.090.000 đồng.

Đối với bị cáo T, ngoài việc nhận số đề của các bị cáo TH và Hồng chuyển đến còn trực tiếp bán số đề cho người chơi số đề cụ thể như sau:

- Bán cho bị cáo V (với số tiền hoa hồng cho người chơi là 25%) gồm:

+ Ngày 19/10/2019:

Bốn đài xổ số Miền Nam (TP. Hồ Chí Minh, Long An, Bình Phước, Hậu Giang) với tổng số tiền mua số đề là 4.470.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.315.000 đồng, tiền người bán còn lại là 3.155.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 72 đài Long An trúng được 1.400.000 đồng, số 88 đài Bình Phước trúng được 1.400.000 đồng, số 89 đài Hậu Giang trúng được 350.000 đồng, tổng số tiền trúng là 3.150.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 5.000 đồng (bị cáo V chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và V được xác định là 7.620.000 đồng.

Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 4.534.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.331.000 đồng, tiền người bán còn lại là 3.203.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 37 trúng được 1.400.000 đồng, số 77 trúng được 700.000 đồng, số 27 trúng được 210.000 đồng, tổng số tiền trúng là 2.310.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 893.000 đồng (bị cáo V chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và V được xác định là 6.844.000 đồng.

+ Ngày 20/10/2019:

Ba đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với tổng số tiền mua số đề là 4.020.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.176.000 đồng, tiền người bán còn lại là 2.844.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 68 đài Đà Lạt trúng được 1.050.000 đồng, số 23 đài Kiên Giang trúng được 350.000 đồng, số 62 đài Tiền Giang và Đà Lạt trúng được 140.000 đồng, tổng số tiền trúng là 2.800.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 44.000 đồng (bị cáo V chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và V được xác định là 6.820.000 đồng;

Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 4.954.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.437.000 đồng, tiền người bán còn lại là 3.517.000 đồng. Kết quả xổ số số 88 trúng được 1.050.000 đồng, số đá 31-71 trúng được 900.000 đồng, tổng số tiền trúng là 2.370.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 1.147.000 đồng (bị cáo V chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và V được xác định là 7.324.000 đồng.

- Bán cho bị cáo N (với số tiền hoa hồng cho người chơi là 25%) vào ngày 20/10/2019: Đài Miền Bắc tổng số tiền mua số đề là 2.616.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 785.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.831.000 đồng. Kết quả xổ số có số đá 35-75 trúng được 6.000.000 đồng, bị cáo N thu lợi bất chính là 4.169.000 đồng (bị

cáo T chưa trả tiền trúng số đề cho bị cáo N). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và N được xác định là 8.616.000 đồng.

- Bán cho bị cáo Tr (với số tiền hoa hồng cho người chơi là 22%) vào ngày 20/10/2019, gồm:

Ba đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) tổng số tiền mua số đề là 2.723.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 608.000 đồng, tiền người bán còn lại là 2.115.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 82 đài Kiên Giang trúng được 350.000 đồng, số 63 đài Tiền Giang trúng được 140.000 đồng, số 99 đài Tiền Giang trúng được 140.000 đồng, số 878 đài Kiên Giang trúng được 1.800.000 đồng, số 51 đài Kiên Giang trúng được 140.000 đồng. Tổng tiền trúng 2.570.000 đồng, bị cáo Tr thu lợi bất chính là 455.000 đồng (bị cáo T chưa trả tiền trúng số đề cho bị cáo Tr). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và Trang được xác định là 5.293.000 đồng.

Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 1.515.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 331.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.184.000 đồng. Kết quả xổ số có số 78 trúng được 140.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 1.044.000 đồng (bị cáo Tr chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo T và Tr được xác định là 1.655.000 đồng.

- Bán cho Nguyễn Thị Thu P (với số tiền hoa hồng cho người chơi là 25%) vào ngày 20/10/2019, gồm:

Ba đài xổ số Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với tổng số tiền mua số đề là 540.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 120.000 đồng, tiền người bán còn lại là 420.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 420.000 đồng (P chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của P và bị cáo T được xác định là 540.000 đồng.

Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 724.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 170.000 đồng, tiền người bán còn lại là 550.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 550.000 đồng (Phượng chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của P và bị cáo T được xác định là 724.000 đồng.

- Bán cho ông Ty (với tiền hoa hồng cho người chơi là 30%) vào ngày 19/10/2019: Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 285.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 85.500 đồng, tiền người bán còn lại là 199.500 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 199.000 đồng (ông T chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của ông T và bị cáo T được xác định là 285.000 đồng.

- Bán cho P (với tiền hoa hồng cho người chơi 29%) gồm:

+ Ngày 19/10/2019: Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 540.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 157.000 đồng, tiền người bán còn lại là 383.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 383.000 đồng (P chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của P và bị cáo T được xác định là 540.000 đồng;

+ Ngày 20/10/2019:

Ba đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với tổng số tiền mua số đề là 1.080.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 310.000 đồng, tiền người bán còn lại là 770.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 770.000 đồng (P chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của P và bị cáo T được xác định là 1.080.000 đồng;

Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 1.350.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 390.000 đồng, tiền người bán còn lại là 960.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 960.000 đồng (P chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của P và bị cáo T được xác định là 1.350.000 đồng.

- Bán cho N (với số tiền hoa hồng cho người chơi là 29%) gồm:

+ Ngày 19/10/2019:

Bốn đài xổ số Miền Nam (TP. Hồ Chí Minh, Long An, Bình Phước, Hậu Giang) với tổng số tiền mua số đề là 1.080.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 310.000 đồng, tiền người bán còn lại là 770.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 770.000 đồng (N chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của N và bị cáo T được xác định là 1.080.000 đồng;

Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 810.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 236.000 đồng, tiền người bán còn lại là 574.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 574.000 đồng (N chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của N và bị cáo T được xác định là 810.000 đồng.

+ Ngày 20/10/2019:

Ba đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với tổng số tiền mua số đề là 1.305.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 376.000 đồng, tiền người bán còn lại là 929.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 929.000 đồng (N chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của N và bị cáo T được xác định là 1.305.000 đồng;

Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 1.465.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 428.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.037.000 đồng. Kết quả xổ số không có số trúng, bị cáo T thu lợi bất chính là 1.037.000 đồng (Nhật chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của N và bị cáo T được xác định là 1.465.000 đồng.

- Bán cho Thu D (với hoa hồng cho người chơi là 29%) ngày 20/10/2019, gồm:

Ba đài Miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với tổng số tiền mua số đề là 1.223.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 356.000 đồng, tiền người bán còn lại là 867.000 đồng. Kết quả xổ số có số 79 đài Tiền Giang trúng được 140.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 727.000 đồng (D chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của D và bị cáo T được xác định là 1.363.000 đồng.

Đài Miền Bắc với tổng số tiền mua số đề là 2.170.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 631.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.539.000 đồng. Kết quả xổ số có số 92 trúng được 280.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 1.259.000 đồng (D chưa trả

tiền mua số đề cho bị cáo T). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của D và bị cáo T được xác định là 2.450.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo T còn chuyển mua số đề cho bị cáo K để hưởng chênh lệch huê hồng gồm:

- Ngày 19/10/2019:

Đài miền Nam (TP Hồ Chí Minh, Long An, Bình Phước, Hậu Giang) với số tiền mua số đề là 4.025.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.208.000 đồng, tiền người bán còn lại là 2.817.000 đồng. Kết quả xổ có số 61 đài TP Hồ Chí Minh trúng được 1.750.000 đồng, số 63 đài Bình Phước được 700.000 đồng, tổng số tiền trúng 2.450.000 đồng, bị cáo K thu lợi bất chính là 367.000 đồng (bị cáo T chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo K). Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của bị cáo K được xác định là 6.475.000 đồng.

Đài miền Bắc với số tiền mua số đề là 1.771.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 533.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.238.000 đồng. Kết quả xổ số có số 37-57 đã trúng được 300.000 đồng, bị cáo K thu lợi bất chính là 938.000 đồng (bị cáo T chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo K). Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của bị cáo K được xác định là 2.071.000 đồng.

- Ngày 20/10/2019:

Đài miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với số tiền mua số đề là 4.851.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 1.456.000 đồng, tiền người bán còn lại là 3.395.000 đồng. Kết quả xổ số có các số trúng số đề gồm: Số 70 đài Tiền Giang trúng được 1.050.000 đồng, số 21 đài Đà Lạt trúng được 2.800.000 đồng, tổng số tiền trúng 3.850.000 đồng, bị cáo T thu lợi bất chính là 455.000 đồng (bị cáo K chưa trả tiền trúng số đề cho bị cáo T). Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của bị cáo K được xác định là 8.701.000 đồng.

Đài Miền Bắc với số tiền mua số đề là 2.304.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua là 693.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.611.000 đồng. Kết quả xổ có số 35-75 đã trúng được 1.200.000 đồng, số 17-71 đã trúng được 300.000 đồng, tổng số tiền trúng là 1.500.000 đồng, bị cáo K thu lợi bất chính là 111.000 đồng (bị cáo T chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo K). Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của bị cáo K được xác định là 3.804.000 đồng.

Ngoài việc nhận đề của bị cáo T, bị cáo K còn trực tiếp bán số đề cho P (không rõ tên thật và địa chỉ) gồm:

- Ngày 25/8/2019:

Đài miền Nam (Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt) với số tiền mua số đề là 1.800.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua (22%) là 400.000 đồng, tiền người bán còn lại là 1.400.000 đồng. Kết quả xổ số có số 52 đài Kiên Giang trúng được 3.500.000 đồng, P thu lợi bất chính là 2.100.000 đồng (bị cáo K đã trả tiền trúng số đề cho Phong). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của P và bị cáo K được xác định là 5.300.000 đồng.

- Ngày 28/8/2019:

Đài miền Nam (Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Nai) với số tiền mua số đề là 720.000 đồng, tiền hoa hồng cho người mua (25%) là 180.000 đồng, tiền người bán còn lại là

540.000 đồng. Kết quả xổ số có số đá 66-60 đài Đồng Nai trúng được 6.000.000 đồng, P thu lợi bất chính là 5.460.000 đồng (bị cáo K đã trả tiền trúng số đề cho P). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của P và bị cáo K được xác định là 6.720.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 131/CT-VKSTPBT ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Bùi Thị Thanh T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Thái H, Võ Thị P về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Võ Thị V, Phạm Xuân K, Bùi Thị Thanh H, Nguyễn Hoài D, Nguyễn Thị Thanh N và Nguyễn Thị Thu Tr về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT thay đổi một phần nội dung bản cáo trạng đã truy tố, cụ thể thay đổi tội danh đối với bị cáo Bùi Thị Thanh T từ tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự chuyển sang tội danh “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; thay đổi truy tố các bị cáo Nguyễn Thái H và Võ Thị P về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự chuyển sang tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt:

+ Đối với bị cáo T: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo TH: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo TH từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo P: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo P từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo V: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo V từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo K: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo K từ 23.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo H: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo H từ 22.000.000 đồng đến 23.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo D: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo D từ 22.000.000 đồng đến 23.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo N: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo N từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo Tr: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Tr từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A80, màu Gold, số seri: R58M71HRPEF, số Imei 1: 357105104101809, số Imei 2: 357106104101807 thu của bị cáo T dùng liên hệ ghi số đề.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Pro, màu trắng, số Imei 1: 354802094846525, số Imei 2: 354803094846523 thu của bị cáo H dùng liên hệ bán số đề.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 357343083664030 thu của bị cáo D dùng liên hệ mua số đề.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356944090673780 thu của bị cáo TH dùng liên hệ bán số đề.

+ 01 điện thoại di động Mobiistar B821, màu vàng, số Imei: 352821021407278 thu của bị cáo Tr dùng liên hệ mua số đề.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 352884102241537 thu của bị cáo N dùng liên hệ mua số đề.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu trắng, số Imei: 358362069428326 thu của bị cáo V dùng liên hệ mua số đề.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số Imei: 8100336006835 thu của bị cáo P dùng liên hệ ghi số đề.

+ 01 điện thoại di động hiệu Huawei, màu xanh, số Imei 1: 86790032230359, số Imei: 86790703227/569 thu của bị cáo K dùng liên hệ nhận số đề từ bị cáo T.

+ 01 điện thoại di động hiệu Zip83, màu xanh – đen, số Imei: 359455030198033 thu của Đặng Kế H dùng liên hệ mua số đề.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 357341086581086 thu của Nguyễn Thị Thu P dùng liên hệ mua số đề.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim số 0848355573 và số 0829468538 thu của bị cáo T dùng liên hệ ghi số đề; 02 sim số 0896468511 và số 0945923283 thu của bị cáo H dùng liên hệ bán số đề; 01 sim số 0853969882 thu của bị cáo D dùng liên hệ mua số đề; 01 sim số 0963047573 thu của bị cáo TH dùng liên hệ bán số đề; 01 sim số 0357932737 thu của Nguyễn Thị Thu P do dùng liên hệ mua số đề; 01 sim số 0947963906 thu của bị

cáo Tr dùng liên hệ mua số đề; 01 sim số 0902776586 thu của bị cáo N dùng liên hệ mua số đề; 01 sim số 0373752828 thu của bị cáo V dùng liên hệ mua số đề; 01 sim số 033432558 thu của bị cáo P dùng liên hệ ghi số đề; 01 sim số 0369743400 và 01 sim không rõ số điện thoại thu của bị cáo K dùng liên hệ nhận số đề từ bị cáo T.

Trả cho ông Đặng Kế H 01 thẻ nhớ; Trả cho bị cáo TH 01 xe mô-tô hai bánh biển số 71K2-8267, nhãn hiệu DETECH, loại xe nữ, màu sơn nâu, số khung PCG022DE-002545, số máy P50FMG-2002545 và trả cho bị cáo D 01 xe mô-tô hai bánh biển số 71B3-985.60, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn đỏ-đen, số máy JF63E2449183, số khung 6326KZ047275 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng, số Imei: 359051092264589, sim số 0845515539, do không liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Kế H trình bày: Ông có tham gia mua số đề do bị cáo TH bán như cáo trạng đã nêu, ông chưa trả tiền cho bị cáo TH. Ông thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét.

Các bị cáo T, TH, P, V, H, K, D, N, Tr đều thừa nhận tham gia mua bán số đề không trực tiếp ghi giấy mà thông qua tin nhắn điện thoại di động hoặc trực tiếp gọi điện thoại. Cơ quan điều tra đã thu giữ các điện thoại di động của các bị cáo, đã tiến hành giám định các tin nhắn lưu trên điện thoại, các bị cáo tham gia dịch nghĩa các tin nhắn đó và xác nhận là đúng. Khi mua bán số đề sẽ gửi tin nhắn cho nhau và xác định có tham gia chơi, các bị cáo không trả tiền mua số đề ngay mà chờ kết quả xổ số, có trúng số đề hay không trúng số đề các bên tính toán với nhau đối trừ số tiền mua số đề, số tiền hoa hồng người mua số đề được hưởng và số tiền người mua số đề trúng số. Các bị cáo chỉ giao nhận số tiền chênh lệch mà bên có nghĩa vụ trả phải trả cho bên kia.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của phù hợp với nội dung cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, bà P đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của bà P cũng không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Các bị cáo T, TH, P, V, H, K, D, N, T có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ động cơ tư lợi và mục đích sát phạt nhau, trong khoảng thời gian từ 25/8/2019 đến 20/10/2019, tại xã Nhơn Thạnh và Mỹ Thạnh An, thành phố BT, tỉnh Bến Tre bị cáo T đã có hành vi bán số đề cho bị cáo V, bị cáo N, bị cáo Tr, Nguyễn Thị Thu P, ông T, P, N, TD và những người khác (không rõ họ tên địa chỉ); Ngoài ra, bị cáo T còn nhận số đề của bị cáo H, bị cáo TH đã bán, đồng thời còn chuyển số đề cho bị cáo K với tổng số tiền dùng để đánh bạc nhiều lần là 105.010.000 đồng. Trong đó, có ngày 20/10/2019 bị cáo T đánh bạc trong cùng một lần với số tiền cao nhất là 43.020.000 đồng, nếu không bị phát hiện sẽ thu lợi là 3.576.000 đồng.

Bị cáo TH tham gia đánh bạc 08 lần, với tổng số tiền các lần dùng vào việc đánh bạc là 79.284.000 đồng, cụ thể: ngày 25/8/2019 là 7.440.000 đồng; ngày 29/8/2019 là 9.010.000 đồng; ngày 30/8/2019 là 13.640.000 đồng; ngày 31/8/2019 là 5.540.000 đồng; ngày 01/9/2019 với đài Miền Nam là 5.530.000 đồng và đài Miền Bắc là 6.268.000 đồng; ngày 20/10/2019 với đài Miền Nam là 12.420.000 đồng và đài Miền Bắc là 19.436.000 đồng.

Bị cáo P tham gia đánh bạc 08 lần, với tổng số tiền các lần dùng vào việc đánh bạc là 61.686.000 đồng, cụ thể: ngày 25/8/2019 là 7.440.000 đồng; ngày 29/8/2019 là 9.010.000 đồng; ngày 30/8/2019 là 13.640.000 đồng; ngày 31/8/2019 là 5.540.000 đồng; ngày 01/9/2019 với đài Miền Nam là 5.530.000 đồng và đài Miền Bắc là 6.268.000 đồng; ngày 20/10/2019 với đài Miền Nam là 8.160.000 đồng và đài Miền Bắc là 6.098.000 đồng.

Bị cáo V tham gia đánh bạc 04 lần, với tổng số tiền các lần dùng vào việc đánh bạc là 28.608.000 đồng, cụ thể: ngày 19/10/2019 với đài xổ số Miền Nam là 7.620.000 đồng và đài Miền Bắc là 6.844.000 đồng; ngày 20/10/2019 với đài Miền Nam là 6.820.000 đồng và Miền Bắc là 7.324.000 đồng.

Bị cáo K tham gia đánh bạc 04 lần, với tổng số tiền các lần dùng vào việc đánh bạc là 27.196.000 đồng, cụ thể: ngày 25/8/2019 là 5.300.000 đồng; ngày 28/8/2019 là 6.720.000 đồng; ngày 19/10/2019 là 6.475.000 đồng và ngày 20/10/2019 là 8.701.000 đồng.

Bị cáo H tham gia đánh bạc 02 lần, với tổng số tiền các lần dùng vào việc đánh bạc là 25.710.00 đồng, cụ thể: ngày 19/10/2019 là 9.620.000 đồng và ngày 20/10/2019 là 16.090.000 đồng.

Bị cáo D tham gia đánh bạc 02 lần, với tổng số tiền các lần dùng vào việc đánh bạc là 17.060.000 đồng, cụ thể: ngày 19/10/2019 là 9.620.000 đồng và ngày 20/10/2019 là 7.440.000 đồng.

Bị cáo N tham gia đánh bạc 01 lần vào ngày 20/10/2019 với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 8.616.000 đồng.

Bị cáo Tr tham gia đánh bạc 01 lần vào ngày 20/10/2019 với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.293.000 đồng.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mà các bị cáo thực hiện mua số đề, bán số đề là đánh bạc ăn thua bằng tiền bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo cố ý trực tiếp tham gia bằng hình thức đánh số đề để thu lợi bất chính. Bị cáo T mua số đề của bị cáo H và TH, bị cáo H và bị cáo H bán số đề cho các bị cáo D, Phê và các đối tượng khác tham gia chơi số đề. Ngoài ra, các bị cáo Tr, N, V và K trực tiếp tham gia chơi số đề với bị cáo T, bị cáo K và các đối tượng khác. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo T, TH, P, V, H, K và D nhiều lần tham gia đánh bạc nhưng mỗi lần đánh bạc đều dưới 50.000.000 đồng và trên 5.000.000 đồng; Đối với các bị cáo N và Tr 01 lần tham gia đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng nên tất cả các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Việc Kiểm sát viên thay đổi một phần quyết định truy tố tại phiên tòa về tội danh cũng như điều khoản áp dụng đối với các bị cáo T, TH và P là phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động và trong sinh hoạt hằng ngày, là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác nên cần xử lý nghiêm.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, các bị cáo T, TH, P, H, K, D, N, Tr có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo V có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “đánh bạc”.

Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

- Các bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, dịch nghĩa các tin nhắn ghi đề; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có ông nội Bùi Văn G là thương binh, bà nội chồng là bà mẹ Việt Nam anh hùng và có chú là liệt sỹ nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Về tình tiết tăng nặng: bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo TH được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, dịch nghĩa các tin nhắn ghi đề; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có cậu ruột ông Nguyễn Văn B là liệt sỹ nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết tăng nặng: bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, dịch nghĩa các tin nhắn ghi đề; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có chú ruột Võ Chính C được tặng thưởng Huân chương độc lập hạng

ba theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Về tình tiết tăng nặng bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo V, K, H và D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, dịch nghĩa các tin nhắn ghi đề theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo V, K và H còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là gia đình có công với cách mạng; Bị cáo V có cha chồng ông Lê Văn C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3; bị cáo K có bà nội là mẹ Việt Nam anh Hùng, bác ruột là liệt sỹ; Bị cáo H có ông nội Bùi Văn G là thương binh nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo K còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội là phụ nữ có thai quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo N và Trang được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, dịch nghĩa các tin nhắn ghi đề; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình các bị cáo có công với cách mạng, mẹ chồng bị cáo N là liệt sỹ Nguyễn Thị L, cha chồng là thương binh Bùi Văn M; Đối với bị cáo Tr có cha ruột và bà nội là thương binh, ông nội là liệt sỹ, cha chồng là liệt sỹ, bà nội chồng là mẹ Việt Nam anh hùng nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng, cụ thể như sau:

- Bị cáo T, bị cáo TH tham gia đánh bạc nhiều lần, số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo T tổng cộng là 105.010.000, trong đó có lần là 43.020.000đồng; bị cáo TH tham gia đánh bạc 08 lần với tổng số tiền là 79.284.000đồng; Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt không tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, sau khi bị phát hiện tin nhắn trong điện thoại các bị cáo tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, dịch nghĩa các tin nhắn ghi đề nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, mức phạt tiền phải cao hơn các bị cáo khác trong vụ án mới tương xứng với mức độ hành vi của các bị cáo.

- Các bị cáo P và V nhiều lần tham gia đánh bạc, bị cáo P tham gia 08 lần, bị cáo V tham gia 04 lần, đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo V với số lần tham gia đánh bạc ít hơn bị cáo P, trước đó đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc chưa được xóa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo P đã hơn 60 tuổi, bị cáo bán vé số nên hoàn cảnh khó khăn; bị cáo V đã 60 tuổi và hiện nay bị bệnh tai biến nặng nên khoan hồng đối với 02 bị cáo, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền với mức nhẹ cũng đủ răn đe, giáo dục 02 bị cáo.

Bị cáo K tham gia đánh bạc 04 lần, bị cáo H tham gia đánh bạc 02 lần, bị cáo D tham gia đánh bạc 02 lần, bị cáo N tham gia đánh bạc 01 lần, bị cáo Tr tham gia đánh bạc 01 lần. Các bị cáo này đều có nhân thân tốt, số tiền tham gia đánh bạc thấp hơn các bị cáo khác nên không cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục các bị cáo.

[7] Hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các điện thoại di động mà các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng làm phương tiện để liên hệ mua bán số đề, cụ thể:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A80, màu Gold, số seri: R58M71HRPEF, số Imei 1: 357105104101809, số Imei 2: 357106104101807 của bị cáo T.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Pro, màu trắng, số Imei 1: 354802094846525, số Imei 2: 354803094846523 của bị cáo H;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 357343083664030 của bị cáo D.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356944090673780 của bị cáo TH.

+ 01 điện thoại di động Mobiistar B821, màu vàng, số Imei: 352821021407278 của bị cáo Tr.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 352884102241537 của bị cáo N.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu trắng, số Imei: 358362069428326 thu bị cáo V.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số Imei: 8100336006835 của bị cáo P.

+ 01 điện thoại di động hiệu Huawei, màu xanh, số Imei 1: 86790032230359, số Imei: 86790703227/569 của bị cáo K.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 357341086581086 của Nguyễn Thị Thu P.

+ 01 điện thoại di động hiệu Zip83, màu xanh – đen, số Imei: 359455030198033 của Đặng Kế H.

Tịch thu tiêu hủy các sim số điện thoại của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dùng để liên hệ mua bán số đề gồm: 01 sim số 0848355573 và số 0829468538 của bị cáo T; 02 sim số 0896468511 và số 0945923283 của bị cáo H; 01 sim số 0853969882 của bị cáo D; 01 sim số 0963047573 của bị cáo TH; 01 sim số 0357932737 của Nguyễn Thị Thu P; 01 sim số 0947963906 của bị cáo Tr; 01 sim số

0902776586 của bị cáo N; 01 sim số 0373752828 của bị cáo V; 01 sim số 033432558 của bị cáo P; 01 sim số 0369743400 và 01 sim không rõ số điện thoại thu của bị cáo K.

- Trả lại tài sản không liên quan đến vụ án: cho ông Đặng Kế H 01 thẻ nhớ; Trả cho bị cáo TH 01 xe mô-tô hai bánh biển số 71K2-8267, nhãn hiệu DETECH, loại xe nữ, màu sơn nâu, số khung PCG022DE-002545, số máy P50FMG-2002545 và trả cho bị cáo D 01 xe mô-tô hai bánh biển số 71B3-985.60, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn đỏ-đen, số máy JF63E2449183, số khung 6326KZ047275 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng, số Imei: 359051092264589, sim số 0845515539.

- Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dùng tiền tham gia đánh bạc thu lợi bất chính, do đó số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

+ Buộc bị cáo T nộp số tiền là 21.362.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước

+ Buộc bị cáo TH nộp số tiền là 14.386.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam là 5.090.000 đồng của bị cáo TH để đảm bảo thi hành án.

+ Buộc bị cáo P nộp số tiền là 38.456.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo V nộp số tiền dùng là 17.978.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo K nộp số tiền dùng là 455.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo H nộp số tiền là 18.450.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam là 1.000.000 đồng của bị cáo H để đảm bảo thi hành án.

+ Buộc bị cáo D nộp số tiền là 9.355.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam là 11.742.000 đồng của bị cáo D để đảm bảo thi hành án. Sau khi thi hành án xong, số tiền còn dư sẽ trả lại cho bị cáo D.

+ Buộc bị cáo N nộp số tiền là 2.616.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Tr nộp số tiền là 4.238.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Kế H nộp số tiền là 2.052.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu P nộp số tiền là 1.264.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo T, TH, P, V, H, K, D, N và Tr về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với hành vi mua số đề của Nguyễn Thị Thu P, Đặng Kế H và hành vi đánh bài Ăn Độ ăn thua bằng tiền bị cáo H, bị cáo D, bị cáo TH, Nguyễn Thị Thu P và Nguyễn Duy Thảo chưa đến mức xử lý hình sự và các lần mua bán số đề của bị cáo T, bị cáo TH, bị cáo P, bị cáo K dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra Công an thành phố BT chuyển xử lý hành chính là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với các đối tượng T, P, TD, N, T, KC, H, Ú do không xác định tên thật và địa chỉ nên cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo T, TH, Phê, V, H, K, D, N và Tr phải nộp theo quy định của theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Thanh T, bị cáo Nguyễn Thái H và Võ Thị P, bị cáo Võ Thị V, Phạm Xuân K, Bùi Thị Thanh H, Nguyễn Hoài D, Nguyễn Thị Thanh N và Nguyễn Thị Thu Tr phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh T hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thái H hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng;

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Thị P hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 25.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Thị V hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Xuân K hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

1.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh H hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài D hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

1.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu Tr hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự,

- Buộc bị cáo Bùi Thị Thanh T nộp số tiền là 21.362.000 (hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Nguyễn Thái H nộp số tiền là 14.386.000 (mười bốn triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam là 5.090.000 (năm triệu không trăm chín mươi ngàn) đồng của bị cáo Nguyễn Thái H để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Võ Thị P nộp số tiền là 38.456.000 (ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Võ Thị V nộp số tiền là 17.978.000 (mười bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Phạm Xuân K nộp số tiền là 455.000 (bốn trăm năm mươi lăm ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Bùi Thị Thanh H nộp số tiền là 18.450.000 (mười tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam là 1.000.000 (một triệu) đồng của bị cáo Bùi Thị Thanh H để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoài D nộp số tiền là 9.355.000 (chín triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam là 11.742.000 (mười một triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn) đồng của bị cáo Nguyễn Hoài D để đảm bảo thi hành án. Sau khi thi hành án xong, số tiền còn dư sẽ trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoài D.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N nộp số tiền là 2.616.000 (hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu Tr nộp số tiền là 4.238.000 (bốn triệu hai trăm ba mươi tám ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Kế H nộp số tiền là 2.052.000 (hai triệu không trăm năm mươi hai ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu P nộp số tiền là 1.264.000 (một triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tài sản của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A80, màu Gold, số seri: R58M71HRPEF, số Imei 1: 357105104101809, số Imei 2: 357106104101807 của bị cáo Bùi Thị Thanh T.

+ 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Pro, màu trắng, số Imei 1: 354802094846525, số Imei 2: 354803094846523 của bị cáo Bùi Thị Thanh H;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 357343083664030 của bị cáo Nguyễn Hoài D.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356944090673780 của bị cáo Nguyễn Thái H.

+ 01 (một) điện thoại di động Mobiistar B821, màu vàng, số Imei: 352821021407278 của bị cáo Nguyễn Thị Thu Tr.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 352884102241537 của bị cáo Nguyễn Thị Thanh N.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu trắng, số Imei: 358362069428326 thu bị cáo Võ Thị V.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số Imei: 8100336006835 của bị cáo Võ Thị P.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei, màu xanh, số Imei 1: 86790032230359, số Imei: 86790703227/569 của bị cáo Phạm Xuân K.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 357341086581086 của bà Nguyễn Thị Thu P.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Zip83, màu xanh – đen, số Imei: 359455030198033 của ông Đặng Kế H.

3.2. Tịch thu tiêu hủy các sim số điện thoại của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

02 (hai) sim số 0848355573 và số 0829468538 của bị cáo Bùi Thị Thanh T; 02 (hai) sim số 0896468511 và số 0945923283 của bị cáo Bùi Thị Thanh H; 01 (một) sim số 0853969882 của bị cáo Nguyễn Hoài D; 01 (một) sim số 0963047573 của bị cáo Nguyễn Thái H; 01(một) sim số 0357932737 của bà Nguyễn Thị Thu P; 01 (một) sim số 0947963906 của bị cáo Nguyễn Thị Thu Tr; 01(một) sim số 0902776586 của bị cáo Nguyễn Thị Thanh N; 01 (một) sim số 0373752828 của bị cáo Võ Thị V; 01 (một) sim số 033432558 của bị cáo Võ Thị P; 01(một) sim số 0369743400 và 01 (một) sim không rõ số điện thoại thu của bị cáo Phạm Xuân K.

3.3. Trả lại tài sản các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trả cho ông Đặng Kế H 01 thẻ nhớ;

Trả cho bị cáo Nguyễn Thái H 01 (một) xe mô-tô hai bánh biển số 71K2-8267, nhãn hiệu DETECH, loại xe nữ, màu sơn nâu, số khung PCG022DE-002545, số máy P50FMG-2002545;

Trả cho bị cáo Nguyễn Hoài D 01 (một) xe mô-tô hai bánh biển số 71B3-985.60, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn đỏ-đen, số máy JF63E2449183, số khung 6326KZ047275 và 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng, số Imei: 359051092264589, sim số 0845515539.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/01/2021, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo Bùi Thị Thanh T, Nguyễn Thái H, Võ Thị P, Võ Thị V, Phạm Xuân K, Bùi Thị Thanh H, Nguyễn Hoài D, Nguyễn Thị Thanh N và Nguyễn Thị Thu Tr phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Cơ quan điều tra CATP BT (1b);
- Cơ quan THAHS CATP BT (1b);
- Chi cục THADS thành phố BT (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Nhơn Thạnh TP BT (1b);
- UBND xã Mỹ Thạnh An, TP BT (1b);
- Bị cáo, NCQLNVLQ (11b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang